



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN**

**BẢN TIN PHÁP LUẬT  
THÁNG 02/2026**



# MỤC LỤC

<b>A. VĂN BẢN MỚI .....</b>	<b>1</b>
1. Ngày 15/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định 20/2026/NĐ-CP hướng dẫn Nghị quyết 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, trong đó có quy định miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV).....	1
2. Ngày 18/12/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 121/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu. ....	2
<b>B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN.....</b>	<b>5</b>
1. Ngày 31/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 373/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế 2019.....	5
2. Thông tư 09/2026/TT-BTC quy định sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế điện tử ...	7
<b>C. ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM .....</b>	<b>9</b>
1. Công văn 218/CST-TN 2026 của Cục Quản lý giám sát chính sách thuế về áp dụng chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt khi thanh toán tiền lương, tiền công .....	9
2. Công văn 1052/CT-CS 2026 của Cục Thuế về chính sách thuế giá trị gia tăng .....	9
3. Công văn 1061/CT-CS 2026 của Cục Thuế về hóa đơn.....	10

## **A. VĂN BẢN MỚI**

*1. Ngày 15/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị định 20/2026/NĐ-CP hướng dẫn Nghị quyết 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân, trong đó có quy định miễn thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV).*

*Ngày ban hành: 15/01/2026*

*Ngày hiệu lực: 15/01/2026*

**Chính sách miễn thuế TNDN 3 năm đầu cho DNNVV đăng ký kinh doanh lần đầu.**

Theo đó, tại Điều 7 Nghị định 20/2026/NĐ-CP quy định chính sách ưu đãi thuế miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, trong đó miễn thuế TNDN 3 năm đầu đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa đăng ký kinh doanh lần đầu, cụ thể:



- Doanh nghiệp nhỏ và vừa được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm kể từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Thời gian miễn thuế được tính liên tục từ năm đầu tiên được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu. Trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp được cấp trước thời điểm Nghị quyết 198/2025/QH15 có hiệu lực thi hành mà còn thời gian áp dụng ưu đãi thì doanh nghiệp được hưởng ưu đãi theo quy định tại khoản này cho thời gian còn lại;

**- Quy định ưu đãi thuế trên không áp dụng đối với:**

+ Doanh nghiệp thành lập mới do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi chủ sở hữu, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;

+ Doanh nghiệp thành lập mới mà người đại diện theo pháp luật (trừ trường hợp người đại diện theo pháp luật không phải là thành viên góp vốn), thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất đã tham gia hoạt động kinh doanh với vai trò là người đại diện theo pháp luật, thành viên hợp danh hoặc người có số vốn góp cao nhất trong các doanh nghiệp đang hoạt động hoặc đã giải thể nhưng chưa được 12 tháng tính từ thời điểm giải thể doanh nghiệp cũ đến thời điểm thành lập doanh nghiệp mới;

+ Thu nhập quy định tại khoản 3 Điều 18 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2025. Ngoài ra, trong cùng một thời gian, nếu doanh nghiệp nhỏ và vừa có khoản thu nhập được hưởng miễn thuế vừa được hưởng miễn thuế, giảm thuế khác với quy định tại Nghị định này thì được lựa chọn hưởng miễn thuế, giảm thuế có lợi nhất và thực hiện ổn định, không thay đổi trong thời gian miễn thuế, giảm thuế. Trường hợp trong kỳ tính thuế đầu tiên mà doanh nghiệp nhỏ và có thời gian hoạt động sản xuất, kinh doanh được miễn thuế, giảm thuế dưới 12 tháng thì được lựa chọn hưởng miễn thuế, giảm thuế theo quy định tại Nghị định này ngay từ kỳ tính thuế đầu tiên đó hoặc đăng ký với cơ quan thuế thời gian bắt đầu được miễn thuế, giảm thuế từ kỳ tính thuế tiếp theo.

***2. Ngày 18/12/2025, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư 121/2025/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan, thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu.***

***Ngày ban hành: 18/12/2025***

***Ngày hiệu lực: 01/02/2026***

Theo đó, hồ sơ hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu tại Điều 16 Thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi như sau:

- (1) Tờ khai hải quan;
- (2) Hóa đơn thương mại hoặc chứng từ có giá trị tương đương trong trường hợp người mua phải thanh toán cho người bán.



Trường hợp hóa đơn thương mại được cấp dưới dạng điện tử theo quy định tại điểm 2a Điều 8 Nghị định 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Nghị định 70/2025/NĐ-CP ngày 20/3/2025 của Chính phủ trước thời điểm khai báo hải quan thì người khai hải quan không phải nộp cho cơ quan hải quan khi làm thủ tục hải quan;

- (3) Giấy phép xuất khẩu hoặc văn bản cho phép xuất khẩu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật (sau đây gọi tắt là giấy phép xuất khẩu);
- (4) Giấy thông báo miễn kiểm tra hoặc giấy thông báo kết quả kiểm tra chuyên ngành hoặc chứng từ khác theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận kiểm tra chuyên ngành);
- (5) Chứng từ chứng minh tổ chức, cá nhân đủ điều kiện xuất khẩu hàng hóa theo quy định của pháp luật về đầu tư;

(6) Hợp đồng ủy thác đối với trường hợp ủy thác xuất khẩu hàng hóa thuộc diện phải có các chứng từ quy định tại điểm (3), (4), (5);

(7) Đối với hàng hóa xuất khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam thực hiện quyền xuất khẩu: Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam do Bộ Công Thương cấp;

(8) Đối với doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện quyền xuất khẩu: Giấy chứng nhận đầu tư về hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan đến mua bán hàng hóa của thương nhân có vốn đầu tư nước ngoài có đăng ký quyền xuất khẩu; Trường hợp không phải thực hiện cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì nộp chứng từ tương đương. Trường hợp thực hiện thủ tục hải quan tại cùng một cơ quan hải quan thì người khai hải quan chỉ phải nộp các chứng từ quy định tại điểm (7) và (8) lần đầu khi làm thủ tục hải quan.



## **B. VĂN BẢN HƯỚNG DẪN**

### **1. Ngày 31/12/2025, Chính phủ ban hành Nghị định 373/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế 2019.**

Tại Điều 1, Điều 9 Nghị định 373/2025/NĐ-CP đã sửa đổi, bổ sung Điều 9 Nghị định 126/2020/NĐ-CP. Theo đó, tiêu chí khai thuế theo quý đối với thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân từ 14/02/2026 như sau:

- Khai thuế giá trị gia tăng theo quý áp dụng đối với:

+ Người nộp thuế thuộc diện khai thuế giá trị gia tăng theo tháng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP nếu có tổng doanh thu bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ của năm trước liền kề từ 50 tỷ đồng trở xuống thì được khai thuế giá trị gia tăng theo quý. Doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ được xác định là tổng doanh thu trên các tờ khai thuế giá trị gia tăng của các kỳ tính thuế trong năm dương lịch.

Trường hợp người nộp thuế thực hiện khai thuế tập trung tại trụ sở chính cho đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh thì doanh thu bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm cả doanh thu của đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh.

+ Trường hợp người nộp thuế mới bắt đầu hoạt động, kinh doanh thì được lựa chọn khai thuế giá trị gia tăng theo quý. Sau khi sản xuất kinh doanh đủ 12 tháng thì từ năm dương lịch liền kề tiếp theo năm đã đủ 12 tháng sẽ căn cứ theo mức doanh thu của năm dương lịch trước liền kề (đủ 12 tháng) để thực hiện khai thuế giá trị gia tăng theo kỳ tính thuế tháng hoặc quý.

- Người nộp thuế thuộc diện khai thuế thu nhập cá nhân theo tháng được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 8 Nghị định 126/2020/NĐ-CP nếu đủ điều kiện khai thuế giá trị gia tăng theo quý thì được lựa chọn khai thuế thu nhập cá nhân theo quý

Người nộp thuế có trách nhiệm tự xác định thuộc đối tượng khai thuế theo quý để thực hiện khai thuế theo quy định.

- Người nộp thuế đáp ứng tiêu chí khai thuế theo quý được lựa chọn khai thuế theo tháng hoặc quý ổn định trọn năm dương lịch.

- Trường hợp người nộp thuế đang thực hiện khai thuế theo tháng nếu đủ điều kiện khai thuế theo quý và lựa chọn chuyển sang khai thuế theo quý thì gửi văn bản đề nghị quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này đề nghị thay đổi kỳ tính thuế đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp chậm nhất là 31 tháng 01 của năm bắt đầu khai thuế theo quý. Nếu sau thời hạn này người nộp thuế không gửi văn bản đến cơ quan thuế thì người nộp thuế tiếp tục thực hiện khai thuế theo tháng ổn định trọn năm dương lịch.

Người nộp thuế đã khai thuế theo quý nhưng không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì xử lý như sau:

- Trường hợp người nộp thuế tự phát hiện không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì người nộp thuế phải thực hiện khai thuế theo tháng kể từ tháng đầu của quý tiếp theo, nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng của các quý trước đó và tính tiền chậm nộp theo quy định.

- Trường hợp cơ quan thuế phát hiện người nộp thuế không đủ điều kiện khai thuế theo quý thì cơ quan thuế ban hành văn bản yêu cầu người nộp thuế khai thuế theo tháng kể từ tháng đầu của quý tiếp theo, nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng của các quý trước đó và tính tiền chậm nộp theo quy định, trừ trường hợp cơ quan thuế phát hiện qua kiểm tra tại trụ sở người nộp thuế. Người nộp thuế phải thực hiện

khai thuế theo tháng và nộp lại hồ sơ khai thuế theo tháng theo văn bản đề nghị của cơ quan thuế.

- Người nộp thuế không bị xử phạt vi phạm hành chính về chậm nộp hồ sơ khai thuế đối với hồ sơ khai thuế của các kỳ tính thuế phải nộp lại do thay đổi kỳ tính thuế. Hồ sơ khai thuế các tháng đã nộp lại được xác định là hồ sơ thay thế cho hồ sơ khai thuế theo quý đã nộp.

## **2. Thông tư 09/2026/TT-BTC quy định sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế điện tử**

Ngày 03/02/2026, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư 09/2026/TT-BTC quy định về việc tạo lập sổ bảo hiểm xã hội và thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử, có hiệu lực từ ngày ban hành.

Thông tư này áp dụng cho cá nhân tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; người sử dụng lao động, cơ quan, tổ chức quản lý người tham gia; tổ chức và cá nhân thuộc hệ thống Bảo hiểm xã hội Việt Nam; và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan. Tuy nhiên, thông tư không áp dụng cho các đối tượng do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an quản lý.



### **- Nguyên tắc thực hiện**

Việc tạo lập sổ bảo hiểm xã hội và thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử phải được thực hiện bằng phương tiện điện tử, đảm bảo chặt chẽ và đúng quy định pháp luật. Thông tin trên các tài liệu này phải trùng khớp với cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm và được cập nhật kịp thời khi có thay đổi.

**- Sổ bảo hiểm xã hội và thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử**

Sổ bảo hiểm xã hội và thẻ bảo hiểm y tế bản điện tử được tạo lập từ cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, lưu trữ và cập nhật thường xuyên tại kho quản lý dữ liệu điện tử của người tham gia. Các tài liệu này được tích hợp với tài khoản định danh điện tử (VNelD) mức độ 2 và tài khoản bảo hiểm xã hội số (VssID).

**- Phương pháp tạo lập và sử dụng**

Người tham gia và đơn vị phải kê khai, nộp hồ sơ và đóng tiền bảo hiểm qua giao dịch điện tử. Cơ quan bảo hiểm xã hội có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hồ sơ và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu quốc gia. Người tham gia có thể sử dụng sổ và thẻ bảo hiểm điện tử để giải quyết các chế độ bảo hiểm và khám chữa bệnh mà không cần bản giấy.

**- Điều khoản chuyển tiếp**

Sổ bảo hiểm xã hội bản giấy chưa được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia sẽ được cơ quan bảo hiểm xã hội cập nhật để giải quyết các chế độ bảo hiểm. Thẻ bảo hiểm y tế trên ứng dụng VssID cấp trước ngày Thông tư có hiệu lực vẫn có giá trị pháp lý như bản giấy.



## **C. ĐIỀU CẦN BIẾT THÊM**

### **1. Công văn 218/CST-TN 2026 của Cục Quản lý giám sát chính sách thuế về áp dụng chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt khi thanh toán tiền lương, tiền công**



Trường hợp doanh nghiệp có khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công trả cho người lao động đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP và không thuộc các khoản chi không được trừ quy định tại khoản 8 Điều 10 Nghị định số 320/2025/NĐ-CP thì khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công này được xác định là khoản chi được trừ khi tính thuế TNDN trong kỳ. Trong đó, đối với khoản chi thanh toán tiền lương, tiền công từng lần có giá trị từ 05 triệu đồng trở lên cho người lao động kể từ ngày Nghị định số 320/2025/NĐ-CP có hiệu lực thi hành (ngày 15/12/2025), để được tính vào chi phí được trừ thì doanh nghiệp phải có chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt. Việc xác định chứng từ thanh toán không dùng tiền mặt thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định 181/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng.

### **2. Công văn 1052/CT-CS 2026 của Cục Thuế về chính sách thuế giá trị gia tăng**

Trường hợp Công ty có dự án đầu tư thực hiện đầu tư theo nhiều giai đoạn, có phương án sản xuất, kinh doanh sản phẩm (không bán nguyên liệu), tổ chức sản xuất khép kín (quy trình sản xuất ra sản phẩm để bán ra, kể cả trường hợp thuê gia công chế biến ra sản phẩm), hạch toán tập trung và sử dụng sản phẩm thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT để sản xuất ra mặt hàng chịu thuế GTGT thì số thuế

GTGT đầu vào trong giai đoạn đầu tư để hình thành tài sản cố định được khấu trừ toàn bộ.

### **3. Công văn 1061/CT-CS 2026 của Cục Thuế về hóa đơn**

Về nguyên tắc, người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp cho cơ quan thuế có sai, sót thì được khai bổ sung hồ sơ khai thuế trong thời hạn 10 năm kể từ ngày hết thời hạn nộp hồ sơ khai thuế của kỳ tính thuế có sai, sót trong nhưng trước khi cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền công bố quyết định thanh tra, kiểm tra hoặc hồ sơ không thuộc phạm vi, thời kỳ thanh tra, kiểm tra thuế nêu tại quyết định thanh tra, kiểm tra thuế. Đối với những nội dung thuộc phạm vi thanh tra, kiểm tra, người nộp thuế được bổ sung hồ sơ giải trình theo quy định của pháp luật về thuế, pháp luật về thanh tra và các trường hợp thực hiện theo kết luận, quy định của cơ quan chuyên ngành có thẩm quyền liên quan đến nội dung xác định nghĩa vụ thuế của người nộp thuế.



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN** là tổ chức kiểm toán, tư vấn tài chính chuyên nghiệp, cung cấp các dịch vụ chất lượng cao bao gồm: Kiểm toán, kế toán, tư vấn tài chính, tư vấn đầu tư, tư vấn M&A, tư vấn thuế và đào tạo.

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN** được thành lập và điều hành bởi đội ngũ sáng lập viên và các chuyên gia tâm huyết, am tường về kiểm toán, kế toán, tài chính và quản trị, có nhiều năm nắm giữ vị trí quản lý trong các công ty hàng đầu trong và ngoài nước. Điều này giúp Đại Tín có được một đội ngũ nhân lực cao cấp và có thể cung cấp cho khách hàng các dịch vụ phù hợp với Việt Nam song đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế.

Liên hệ

## **CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐẠI TÍN**

***CHUYÊN NGÀNH KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, TƯ VẤN THUẾ, DỊCH VỤ CHUYỂN GIÁ***

**Văn Phòng :** 622/3 Cộng Hòa, Phường Tân Bình, Tp.HCM

**Trụ sở** : 750/1/15 Nguyễn Kiệm, Phường Đức Nhuận, Tp.HCM

**ĐT** : 0283 500 4494 **Web:** [www.kiemtoandaitin.com](http://www.kiemtoandaitin.com)

**Email** : langtat@kiemtoandaitin.com; minhthu@kiemtoandaitin.com

**Nếu Quý Công ty cần tư vấn chi tiết thì hãy liên hệ phòng tư vấn của Công ty Chúng tôi với số điện thoại dưới đây:**

Mr. Lãng - Giám Đốc Kinh Doanh (tiếng Trung) - 0908 608 955

Ms. Mỹ - Chuyên viên Kinh Doanh (tiếng Trung) – 0522 023 336

Ms. Trang - Chuyên viên Kinh Doanh (tiếng Trung) – 0326 742 070